

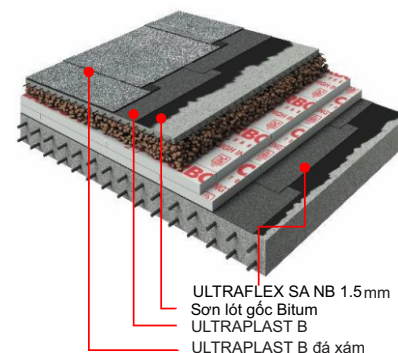


ULTRAPLAST B

Màng khô chống thấm gốc Bitum Biến tính APP

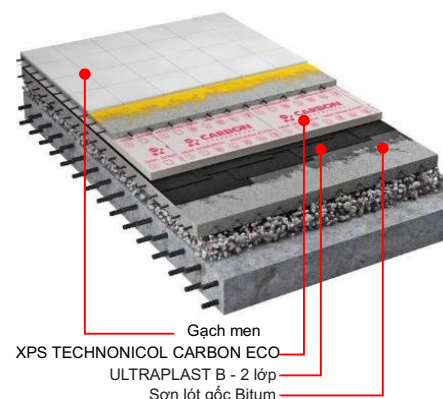
MÔ TẢ:

ULTRAPLAST B là màng khô chống thấm gốc bitum biến tính APP được thiết kế làm lớp dưới trong hệ thống chống thấm hai lớp cho mái của tòa nhà và công trình xây dựng, hoặc chống thấm cấu kiện. Sử dụng cho các công trình xây mới hoặc sửa chữa. Màng chịu được sự thay đổi nhiệt độ và tải trọng cơ học cao mang lại khả năng chống thấm hiệu quả lâu dài và đáng tin cậy. Hợp chất polyme APP có khả năng chống chảy xệ nên giúp màng sử dụng ở những vùng có khí hậu rất nóng. Mặt dưới của màng được bao bọc bởi màng phim polyme với các thành phần có cấu trúc đặc biệt, tan chảy khi được làm nóng. Mặt trên của màng cũng được bao phủ bằng một lớp màng PE, cát hoặc mặt đá.



YÊU CẦU CHUNG:

- Cuộn màng phải được bảo quản ở nơi được che phủ, khô ráo, nguyên bao bì ban đầu và được đưa đến công trường thi công khi đã sẵn sàng sử dụng.
- Cuộn màng phải xếp thẳng đứng và không xếp chồng các pallet lên nhau.
- Bề mặt thi công phải được làm sạch bụi, mảnh vụn, dầu mỡ, lá cây, không được có khe hở, vết nứt hoặc các khuyết tật khác để đảm bảo độ bám dính tuyệt đối của màng.
- Bề mặt phải được xử lý sơn lót để tăng cường độ bám dính trước khi thi công màng chống thấm.



THI CÔNG

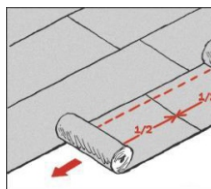
■ MẶT PHẲNG



Làm sạch bề mặt và sửa chữa các khe hở, vết nứt, vv. Xử lý bề mặt phẳng và khô ráo.



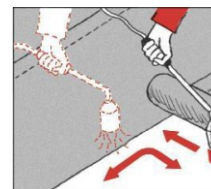
Quét lớp sơn lót bitum để tăng độ bám dính của màng khô.



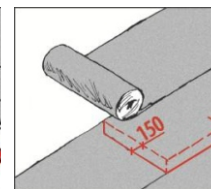
Trải và căn chỉnh màng, sau đó cuộn lại từ 2 đầu màng về chính giữa.



Khò nóng đồng thời mặt nền và mặt dưới của màng để bitum chảy ra.



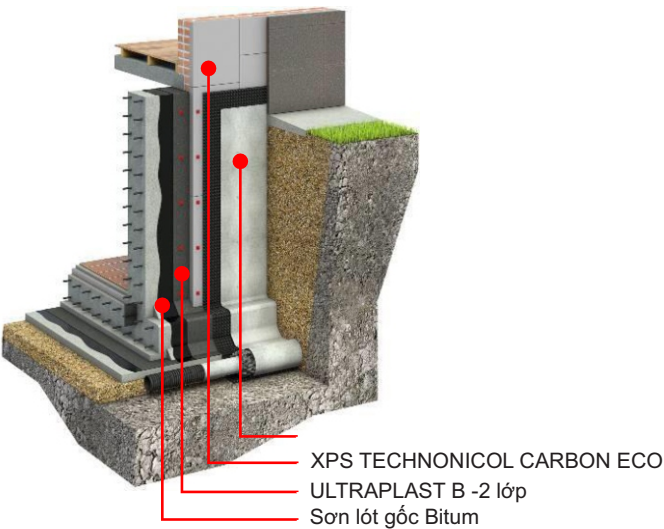
Khò nóng toàn bộ mặt nền và mặt dưới theo chiều rộng các cuộn. Các vị trí chồng mí giữa 2 cuộn phải được khò kỹ hơn.



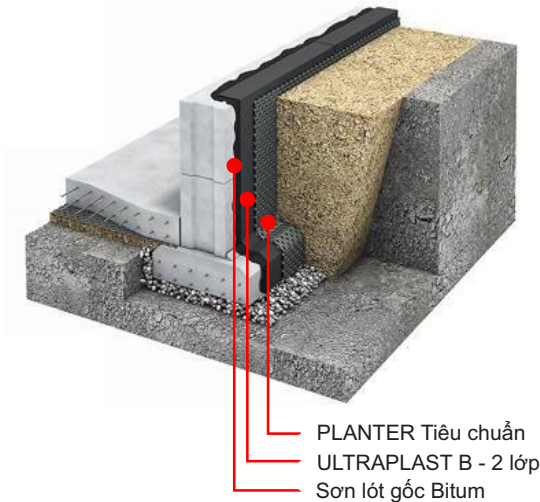
Chồng mí dọc cuộn: $\geq 100\text{mm}$
Chồng mí cuối cuộn: $\geq 150\text{mm}$

HỆ GIẢI PHÁP CHỐNG THẨM

■ NỀN MÓNG CÓ LỚP CÁCH NHIỆT



■ NỀN MÓNG KHÔNG CÓ LỚP CÁCH NHIỆT



HIỆU SUẤT CÔNG BỐ:

Đặc điểm thiết yếu	Phương thức kiểm tra	Hiệu suất	Đặc điểm thiết yếu	Phương thức kiểm tra	Hiệu suất
Bảo vệ mặt trên	-	PE,Cát,Đá	Điểm mềm, °C	ASTM D36	≥ +145
Bảo vệ mặt dưới	-	màng polyme	Tính linh hoạt ở nhiệt độ thấp, °C	EN 1109-1	≤ -2
Chiều dài, m	EN 1848-1	≥ 15.0 (2 mm độ dày) ≥ 10.0 (3 mm độ dày) ≥ 10.0 (4 mm độ dày)	Khả năng chống chảy ở nhiệt độ cao, °C	EN 1110	≥ +120
Chiều rộng, m	EN 1848-1	≥ 1.0	Độ kín nước ở 0,1 MPa trong 24 giờ	EN 1928	Vượt qua
Độ thẳng	EN 1848-1	≤ 10 mm / 5 m	Hiệu suất chữa cháy bên ngoài	EN 13501-5	NPD
Khối lượng trên đơn vị diện tích, kg/m ²	EN 1849-1	2.8±0.28 3.8±0.38 5.1±0.48	Phản ứng với lửa	EN 13501-5	Euroclass E
Độ dày, mm	EN 1849-1	2.0±0.20 3.0±0.20 4.0±0.20	Ổn định kích thước,%	ASTM D5147	1,0
Lưới gia cường	-	polyester	Độ bám dính của hạt, %	EN 12039	NPD
Độ bền căng: Cường độ chịu kéo dọc/ngang, N/50mm	ASTM D5147	750±150 / 600±120	Khiếm khuyết có thể nhìn thấy	EN 1850-1	Vượt qua
Độ bền căng: Độ giãn dài dọc/ngang, %	ASTM D5147	40±8 / 45±9	Đặc tính truyền hơi nước	EN 1931	μ=20000
Kháng xé rách dọc/ngang,N	ASTM D4073	300±100 / 300±100	Các chất nguy hiểm	Không chứa các chất nguy hiểm	

Chú thích: L/T – Dọc/Ngang (Longitudinal / Transverse;); NPD – Không xác định hiệu suất (No Performance Determined).
Hạn sử dụng nếu đáp ứng đầy đủ các yêu cầu về bảo quản: 12 tháng kể từ ngày sản xuất.